

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠ VỪA
(Từ ngày 16 đến 31/01/ 2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến dưới 20mm, có nơi cao hơn như Hà Giang 34mm, Bắc Quang 70mm,...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 76%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tăng so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ 32%. + Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và có xu thế giảm so với kì trước; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình cao hơn TBNN cùng kỳ 56%. + Trên sông Hồng: Lưu lượng dòng chảy ở hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của hồ chứa thượng lưu. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 28%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-20mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 77%. + Trên sông Lô: Lượng dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ 73%. + Sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm so với 15 ngày qua do chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 25%. + Trên sông Hồng: Lưu lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của hồ chứa thượng lưu. Trong thời kỳ dự báo các thủy điện thượng lưu tăng cường phát điện phục vụ lịch lấy nước phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2025-2026 trong 02 đợt: Đợt 1: từ ngày 16/1 đến ngày 20/1/2026 (5 ngày); Đợt 2: Từ ngày 29/1 đến ngày 4/2/2026 (7 ngày). Trong thời gian lấy nước, mực nước tại trạm thủy văn Hà Nội trong Đợt 1 duy trì không thấp hơn 1,6 m; Đợt 2 các nhà máy thủy điện sẽ vận hành tối đa công suất phát điện để tăng cường nguồn nước về hạ du (mực nước dự kiến trung

bình đạt khoảng 1,7-1,9 m tại trạm thủy văn Hà Nội). Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 31%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến dưới 15mm, có nơi cao hơn như Ngân Sơn 46mm,....

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy có xu thế giảm so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn 380% so với TBNN cùng kỳ.

+ Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Chũ giảm so với kỳ trước và tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 35%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-20mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy dự báo sẽ giảm nhẹ so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy có khả năng ở mức cao hơn TBNN cùng kì 392%.

+ Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy giảm so với kì trước, tổng lượng dòng chảy tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 28%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Khu vực Thanh Hóa - Nghệ An phổ biến dưới 30mm; khu vực Hà Tĩnh – Quảng Trị phổ biến 10-500mm, có nơi cao hơn như: Ba Đồn 74mm...; thành phố Huế: 50-90mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa đầu tháng 01/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực ít biến đổi so với nửa cuối tháng 12/2025. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 36%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 10%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 29%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơm Diệm thấp hơn khoảng 44%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít thay đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm

Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 246%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 5-20mm, có nơi cao hơn, phía Nam: 20-50mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa cuối tháng 01/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao TBNN cùng kỳ khoảng 18%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 14%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn 18%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 58%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít thay đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN 299%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phía Bắc khu vực phổ biến 15-45mm, có nơi cao hơn như tại Đà Nẵng 75mm, Trà My 58mm....
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa đầu tháng 1/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn ở mức xấp xỉ TBNN và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 44%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông biến đổi chậm theo xu thế giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 15%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 53%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 3%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 111%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 77% so với TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-40mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa cuối tháng 01/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít thay đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 43%, sông Trà Khúc tại trạm

Sơn Giang cao hơn 53%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong thời kỳ cuối tháng 1, mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm theo xu thế giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 38% so với TBNN, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức thấp hơn 6% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến dưới 5mm, có nơi cao hơn như M'Đrăk 11mm....

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San Và Srêpôk biến đổi theo xu thế giảm dần và đều thấp hơn so với nửa cuối tháng 12. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 59%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 16%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến dưới 5mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và giảm so với nửa đầu tháng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 50%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn ở mức tương đương TBNN.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục biến đổi chậm với xu thế giảm dần. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn TBNN 35% và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn TBNN 6%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/02/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng mưa thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 16 đến ngày 31/01/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 16 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	16	<46	5-15	Xấp xỉ
	Sơn La	0	<100	<5	Xấp xỉ
	Hòa Bình	18	>50	5-15	Xấp xỉ
	Lào Cai	5	<84	5-15	Xấp xỉ
	Yên Bái	15	<35	5-15	Xấp xỉ
	Tuyên Quang	7	<68	5-15	Xấp xỉ
	Hà Giang	34	>20	20-50	>50-100
	Láng	2	<89	10-30	Xấp xỉ
	Thái Bình	1	<95	10-30	Xấp xỉ
	Nam Định	1	<92	10-30	Xấp xỉ
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	13	<25	10-30	Xấp xỉ
	Thái Nguyên	2	<91	10-30	Xấp xỉ
	Bắc Ninh	0	<99	5-15	Xấp xỉ
	Lạng Sơn	2	<93	5-15	Xấp xỉ
	Bắc Giang	0	<100	5-15	Xấp xỉ
	Hải Dương	1	<92	5-15	Xấp xỉ
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	2	<87	10-30	Xấp xỉ
	Bãi Thượng	17	>30	10-30	Xấp xỉ
	Thanh Hóa	1	<90	10-30	Xấp xỉ
	Quỳ Châu	26	>193	10-30	Xấp xỉ
	Cửa Rào	4	<31	5-15	Xấp xỉ
	Đô Lương	27	>79	10-30	Xấp xỉ
	Vinh	15	<63	10-30	Xấp xỉ
	Hương Sơn	7	<69	10-30	Xấp xỉ
	Hương Khê	20	<3	20-40	Xấp xỉ
	Hà Tĩnh	23	<55	20-40	Xấp xỉ
	Đồng Hới	55	>49	20-40	Xấp xỉ
	Quảng Trị	17	<60	10-30	Xấp xỉ
	Nam Đông	46	<28	20-40	Xấp xỉ
	Huế	87	>15	20-40	<20-40
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	75	>60	20-40	<20-40
	Trà My	58	<39	30-60	<10-30
	Ba Tơ	30	<66	30-60	<10-30
	Quảng Ngãi	24	<62	30-60	<10-30
	Quy Nhơn	28	<19	20-40	<10-30

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 16 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	An Khê	3	<82	5-15	<10-30
	Tuy Hòa	12	<68	10-30	<10-30
	Nha Trang	0	<99	5-15	Xấp xỉ
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	0	<100	<5	Xấp xỉ
	Lắc	0	<100	<5	Xấp xỉ
	Buôn Mê Thuột	0	<100	<5	Xấp xỉ
	Biên Hòa	0	<99	<5	Xấp xỉ
	Cần Thơ	18	>193	<5	Xấp xỉ

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 16 đến ngày 31/01/2026

Đơn vị: $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	87	<76	76	<77
Lô	Tuyên Quang	W	267	<32	470	<73
Đà	Hồ Hòa Bình	W	1267	>56	1106	>25
Hồng	Hà Nội	W	1629	>28	2212	>31
Cầu	Gia Bảy	W	128,7	>380	124,4	>392
Lục Nam	Chũ	W	7,3	>35	7,2	<28
Mã	Cắm Thủy	W	271	> 36%	249	> 18
Cả	Yên Thượng	W	343	> 10	276	< 14
La	Hòa Duyệt	W	122	> 29	111	> 18
Tả Trách	Thượng Nhật	W	53,8	> 246	49,9	> 299
Thu Bồn	Nông Sơn	W	419	~ TBNN	447	> 43
Trà Khúc	Sơn Giang	W	397	> 44	329	> 53
Ba	Củng Sơn	W	131	<53	104	<38
Cái N,T	Đồng Trăng	W	84,2	>3	58,1	<6
ĐăkBlá	KonTum	W	36,4	< 59%	38,0	< 50%
Srêpôk	Giang Sơn	W	125,2	> 16%	69,1	~ TBNN
Tiền	Tân Châu	W			10437	> 35
Hậu	Châu Đốc	W			1299	> 6